TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN S** **TP. HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:**19/**2021/HNGĐ - ST
Ngày: 14/4/2021.
V/v tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SÓC SƠN – THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Ngô Thị Hồng**
Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Nguyễn Đăng Hải**
Ông **Vũ Anh Chi**
- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Hải Hà –**Thư ký Tòa án nhân dân huyện S.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện S tham gia phiên toà: Bà **Đỗ Thị Mai Xiêm** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 14 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện S – TP Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số: 32/2021/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 01 năm 2021 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2021/QĐXX-ST ngày 24 tháng 3 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị ***Trần Thị H***, sinh năm 1993.

HKTT: Thôn Lai S, xã Bắc S, huyện S, TP Hà Nội.
Chỗ ở hiện nay: Thôn Trung K, xã Trung Gi, huyện S, TP Hà Nội.

- *Bị đơn:* Anh ***Nguyễn Văn Đ***, sinh năm 1989.

Địa chỉ: Thôn Lai S, xã Bắc S, huyện S, TP. Hà Nội.

Có mặt chị H, vắng mặt anh Đ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 31.12.2020 và trong quá trình xét xử, chị Trần Thị H trình bày:

-Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Văn Đ tổ chức lễ cưới năm 2012, vợ chồng kết hôn có được tự do tìm hiểu, tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Bắc S, huyện S, TP Hà Nội ngày 27/6/2012.

Sau khi kết hôn xong thì vợ chồng chị ra ở riêng ngay, không sống cùng bố mẹ chồng, sau đó thì có thời gian lại ra sống cùng với bố mẹ chị, có thời gian thì lại về nhà riêng ở thôn Lai S, xã Bắc S.

Quá trình chung sống vợ chồng chị sống hạnh phúc đến năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh Đ ham chơi cờ bạc dẫn đến nợ nần. Chị và gia đình đã khuyên bảo nhiều lần nhưng anh Đ không thay đổi. Do anh Đ đã nhiều lần nhưng anh Đại không thay đổi, vợ chồng nhiều lần xung đột, mâu thuẫn dẫn đến chị không còn tình cảm với anh Đ nữa. Sau khi vợ chồng xảy ra mâu thuẫn đã được gia đình hai bên hòa giải nhưng không thành. Vợ chồng chị sống ly thân từ ngày 27/3/2020. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Đ.

Về con chung: Chị và anh Đ có 02 con chung là: Nguyễn Duy H, sinh ngày 14/6/2013 và Nguyễn Anh T, sinh ngày 15/8/2015. Hiện nay các con đang ở với chị. Ly hôn chị đề nghị xin nuôi cả 02 con, không đề nghị anh Đ cấp dưỡng nuôi con.

Hiện nay chị đang làm bán hàng sữa tại nhà thu nhập bình quân 10.000.000đ/tháng.

Về tài sản chung, công sức đóng góp, nợ chung, nhà, đất ở, đất sản xuất nông nghiệp: Vợ chồng chị tự thỏa thuận giải quyết, không đề nghị Tòa án giải quyết.

***** Bị đơn là anh Nguyễn Văn Đ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng anh không đến Tòa án làm việc nên Tòa án không ghi được ý kiến của anh.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán; Thư ký Tòa án; Hội đồng xét xử kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án chậm thụ lý vụ án 06 ngày. Nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn không chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về ý kiến giải quyết vụ án: Căn cứ Điều 56, 58, 59, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân gia đình; Điều 28, Điều 147 Bộ luật tố tụng Dân sự.

+ Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Trần Thị H. Cho chị Trần Thị H được ly hôn anh Nguyễn Văn Đ.

+ Về con chung: Giao con chung là Nguyễn Duy H, sinh ngày 14/6/2013 và Nguyễn Anh T, sinh ngày 05/8/2015 trực tiếp nuôi dưỡng. Chị H không đề nghị cấp dưỡng nuôi con nên ghi nhận.

+ Về tài sản chung, công sức đóng góp, nợ chung, nhà, đất ở, đất sản xuất nông nghiệp: Ghi nhận sự tự nguyện của chị H không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

+ Về án phí: Chị H phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Tòa án nhân dân huyện S nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị H xin ly hôn anh Đ, hiện anh Đ cư trú tại thôn Lai S, xã Bắc S, huyện S, thành phố Hà Nội nên căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự Tòa án nhân dân huyện S thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền. Tại phiên tòa ngày 09/4/2021 anh Đ vắng mặt, Hội đồng xét xử hoãn phiên tòa và tiến hành triệu tập hợp lệ đối với anh Đ, nhưng tại phiên tòa ngày hôm nay anh Đ vẫn vắng mặt không có lý do nên căn cứ theo Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh Đ.

[2] Về nội dung: Chị Trần Thị H kết hôn cùng anh Nguyễn Văn Đ trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Bắc S, huyện S, TP Hà Nội theo Giấy chứng nhận kết hôn số 72, quyển số 01/2012 ngày 27/6/2012. Đây là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống chị H cho rằng vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, không tìm được tiếng nói chung nên thường xuyên xảy ra cãi vã, nguyên nhân là do anh Đ ham chơi cờ bạc dẫn đến nợ nần. Anh Nguyễn Văn Đ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không đến Tòa án làm việc nên Tòa án không ghi được

ý kiến của anh Đ. Qua xác minh tại gia đình hai bên được biết anh chị có xảy ra mâu thuẫn và chị H đã không sống chung cùng anh Đ từ đầu năm 2020 đến nay, không ai quan tâm đến ai. Xét thấy để tồn tại quan hệ hôn nhân thì vợ chồng phải thương yêu, tôn trọng lẫn nhau. Tuy nhiên vợ chồng anh chị sống không có sự quan tâm, chăm sóc lẫn nhau nên thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Như vậy mục đích hôn nhân của anh chị không đạt được, mâu thuẫn đã đến mức đời sống chung không thể kéo dài nên cho chị H được ly hôn anh Đ là phù hợp với quy định của pháp luật.

[3] Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Duy H, sinh ngày 14/6/2013 và Nguyễn Anh T, sinh ngày 05/8/2015. Chị H đề nghị nuôi cả 02 con, không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con. Xét yêu cầu của chị H Hội đồng xét xử nhận thấy hiện nay cả 02 con vẫn đang ở với chị H, chị H có nguyện vọng muốn nuôi cả 02 con. Cháu H có nguyện vọng ở với chị H. Mặt khác anh Đ không đến Tòa án làm việc nên Tòa án không ghi được ý kiến của anh Đ nên để không xáo trộn cuộc sống của các con sau khi ly hôn thấy cần tiếp tục giao cháu H và cháu T cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Mặc dù chị H không yêu cầu nhưng Hội đồng xét xử thấy việc cấp dưỡng nuôi con là trách nhiệm của người không trực tiếp nuôi con. Qua xác minh anh Đ hiện đang lái xe có thu nhập nên cần buộc anh Đ cấp dưỡng một khoản tiền để chị H nuôi con với mức cấp dưỡng 2.000.000đ/tháng.

[4] Về tài sản chung, công sức đóng góp, nợ chung, đất ở, nhà, đất sản xuất nông nghiệp: Chị H không đề nghị nên không đặt ra giải quyết.

[5] Về án phí: Chị H phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28; Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 228; Điều 235 Điều 266; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015.

Căn cứ Điều 51; Điều 56; Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân gia đình;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Trần Thị H. Cho chị Trần Thị H được ly hôn anh Nguyễn Văn Đ.

2. Về con chung: Giao con chung là Nguyễn Duy H, sinh ngày 14/6/2013 và Nguyễn Anh T, sinh ngày 05/8/2015 cho chị Trần Thị H trực tiếp nuôi dưỡng. Buộc anh Đ phải cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000đ kể từ tháng 5/2021 cho đến khi các con 18 tuổi, lao động tự túc được hoặc có quyết định khác của Tòa án.

Anh Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, công sức đóng góp, nợ chung, đất ở, nhà, đất sản xuất nông nghiệp: Tòa án không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Án phí ly hôn sơ thẩm 300.000đ, chị H phải chịu. Được trừ vào số tiền 300.000đ anh đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0019418 ngày 13.01.2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện S. Anh Đ phải nộp 300.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con.

5. Về quyền kháng cáo: Chị H có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Đ có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận
- *VKSND H. S;*
- *THADS H. S;*
- *Toà án Hà Nội;*
- *UBND xã Bắc S;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu HS, VP.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Ngô Thị Hồng